Tập 5 — Tối Thọợng Trân Bảo

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Đức Phật trở lại Jetavanārāma sau nhiều tháng du hành cùng với đại chúng tỳ-khưu. Ở đây chỉ mới mấy hôm, ngài phải sử dụng thần thông quay trở lại lộ trình cũ để " xử lý" một việc quan trọng. Chuyện là đức vua Pukkusāti trị vì quốc độ Gandhāra, thành phố Takkasilā và đức vua Bimbisāra là đôi bạn đồng niên, rất thân thiết với nhau. Tuy hai quốc độ ở cách xa nhau vời vợi - một ở cực bắc, một ở trung nam – nhưng tình thân của họ không vì vậy mà trở nên xa cách. Trước đây, khi có cơ hội, cả hai thường gởi cho nhau, theo các đoàn thương buôn, lời thăm hỏi sức khỏe cũng như những món quà đặc sản ở địa phương mình. Vừa mới đây, đức vua Pukkusāti sai một sứ giả vượt ngựa gần hai trăm năm mươi dặm đường trường từ Takkasilā đến Rājagaha, đích thân dâng lên tận tay đức vua Bimbisāra một món quà quý giá gồm tám xấp gấm Kambala và tám thỏi trầm đỏ rất hiếm thấy trên thế gian. Loại gấm Kambala này được xem là vô giá, nhưng trầm đỏ thì lại càng quý hiếm hơn, chính đức vua cũng chỉ mới nghe nói chứ chưa hề thấy bao giờ. Loại trầm đỏ này chỉ được tìm thấy ở rừng sâu Himalaya, cây chiên đàn đỏ ngàn tuổi, được ví như hương của cõi trời, lại xua tan khí độc, thanh lọc

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 311

không gian xung quanh. Cảm động trước tấm chân tình của bạn, đức vua Bimbisāra tay nâng niu món quà mà óc thì cứ suy nghĩ miên man, lý do là ông không nghĩ ra được món quà nào có giá trị tương đương để trao tặng lại. Trong lúc đoàn sứ giả đang còn chờ đợi sự hồi đáp của đức vua thì ông bàn với các lão thần thân tín, uyên bác, góp ý giúp ông lựa chọn một món quà nào là tương xứng. Các vị lão thần biết sự vô giá của hai món quà phương Bắc nên họ cũng sinh ra băn khoăn và nghĩ ngợi nhiều. Vàng, bạc, châu, báu thì ông vua nào cũng không thiếu, không nên bàn nữa. Đặc sản phương Nam thì dồi dào thức ăn vật uống, dù quý báu chi cũng không để lâu để dài được. Những sản vật rừng, thì có nơi nào quý hiếm bằng dãy núi Himalaya? Đức vua chợt nói: - Phải là "trân bảo", chư vị ạ! Nhưng nó không phải là vật chất, phải có giá trị văn hóa, tâm linh. Tuy nhiên, giá trị văn hóa, tâm linh ấy cũng phải được cân nhắc chín chắn, để khỏi bõ làm trò cười cho thiên hạ. Tại sao vậy? Vì thành phố Takkasilā là kinh đô đại học của châu Diêm-phù-đề; hằng trăm, hằng ngàn trí thức và lãnh đạo thiên hạ đều xuất thân ở kinh đô của bạn ta cả. Trí thức, kiến thức và văn hóa họ đều cao hơn chúng ta. Vậy hãy mở một cuộc hội nghị, ngoài các vị trọng thần học rộng, biết nhiều, chúng ta phải mời thêm một số trí thức, học giả trong kinh thành để thảo luận, hội ý cùng nhau xem trong cổ thư, cổ kinh – cái gì được gọi là "trân bảo" cùng giá trị cao thấp khác nhau của chúng! Rồi chúng ta sẽ lựa chọn cái "trân bảo đệ nhất" để biếu tặng đức vua Pukkusāti, bạn quý của ta. Cuộc "hội nghị bàn tròn", thế là nhanh chóng diễn ra; và sau đó, vị quan "đại học sĩ" học rộng, biết nhiều đã đúc kết cho đức vua nghe: - Từ xưa đến nay, trong cổ thư, cổ kinh có phân loại, đưa ra hai loại trân bảo (ratana): Một là trân bảo không có thức 312 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

tánh (aviññāṇaratana) và một là trân bảo có thức tánh (viññāṇaratana). Trân bảo không có thức tánh ví như là như vàng, bạc, kim cương, ngọc đỏ, ngọc lục, ngọc lam, ngọc tím, ngọc xanh, ngọc mạni... Trân bảo có thức tánh ví như là ngựa quý, voi quý... Giữa hai loại ấy thì trân bảo có thức tánh được đánh giá là cao hơn, tâu bệ hạ quý kính! - Chính xác! Đức vua gật đầu khen ngợi! Ngựa quý, voi quý đôi khi còn là linh hồn của quốc độ, đúng lắm! Hội đồng trí thức, học giả có khác, đã trình bày rõ ràng, đâu ra đấy! Ta đã được mở rộng kiến văn. Bây giờ nói tiếp đi, ta đang nôn nóng lắng nghe đây. - Vâng! Trân bảo có thức tánh quý hơn, nhưng trân bảo có thức tánh này cũng được phân thành hai loại. Đấy là trân bảo thuộc về động vật (tiracchānaratana) và trân bảo thuộc về người (manussaratana). So sánh hai loại này thì trân bảo thuộc về người quý hơn, tâu bệ hạ! - Hay lắm! Kể tiếp đi! - Vâng! Về người cũng có hai loại, tâu bệ hạ! Ấy là đàn bà trân bảo (itthīratana) và đàn ông trân bảo (purisaratana). Trong hai trân bảo này thì đàn ông quý hơn, tâu bệ hạ! Đến đây, đức vua gật gật đầu, mỉm cười góp chuyện: - Bây giờ ta mới hiểu một chuyện xưa, chuyện xảy ra vào thời Chuyển luân Thánh vương. Khi một đức Chuyển luân vương xuất hiện thì đồng thời xuất hiện bảy báu(1). Trong bảy báu này có hai báu là ngọc nữ báu và tướng quân báu. Ngọc nữ báu chỉ tạo thêm thiên hương, thiên xúc cho đức vua mà thôi; còn tướng quân báu còn giúp thái bình cho cả thiên hạ! Đúng vậy, cổ nhân, cổ đức xếp loại như thế thì đã nêu bật giá trị minh nhiên rồi, không ai có thể tranh bàn hơn được.

(1) Ngọc luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, ngọc nữ báu, tài thần báu và tướng quân báu.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 313

- Đúng vậy, bệ hạ thật anh minh! - Thôi, được rồi, hãy tiếp tục đi! - Vâng, về người, về đàn ông cũng có hai loại. Đấy là đàn ông thế gian và đàn ông xuất thế gian; nói cách khác, là đàn ông thế tục trân bảo (āgāriyaratana) và đàn ông xuất gia trân bảo (anāgāriyaratana). Trong hai loại này thì đàn ông xuất gia trân bảo là quý hơn, tâu bệ hạ! Đức vua gật đầu: - Không sai! Hãy tiếp nữa đi! Vị quan đại học sĩ chợt lắc đầu: - Cuộc hội nghị bàn tròn hôm ấy, mọi người thảo luận đến ngang chỗ này là bế tắc; tuy cũng có ý kiến này, ý kiến kia nhưng họ đã tỏ ra mù mờ như đi đêm mà không có đèn soi. Thảng hoặc, họ rơi vào suy luận, luận đoán một biên, một phía nào đấy thôi. Đây là nhận xét khá chính xác của hạ thần, kẻ bề tôi không dám đa sự, lắm lời trước mặt bệ hạ đâu! - Ừ, ta biết! Trong lúc đức vua đang đăm chiêu, vị quan đại thần đang suy nghĩ thì duyên may làm sao, thánh y Jīvaka đi ngang, thoáng nắm bắt câu chuyện đang dang dở, lại góp ý: - Tại sao đại vương không thử thưa hỏi điểm này với đức Đạo Sư? Ngài đang ở Rājagaha này mà! Đức vua như chợt sáng ý, vỗ trán mình một cái: - Sao ta lú lẫn vậy kìa! Chỗ này thì trên thế gian có ai sáng trí hơn đức Thế Tôn đã chứ? Thánh y Jīvaka thưa tiếp: - Đức Thế Tôn thì nói làm gì! Hai vị thượng thủ, chư đại trưởng lão, một bậc thánh vô lậu hoặc một vị tỳ-khưu đa văn cũng có thể có kiến giải rõ ràng được đấy, tâu bệ hạ! - Ồ, ra là thế! Đức Phật hôm ấy đang ở Veḷuvanārāma tịnh xá, theo dõi câu chuyện, đến ngang đây thì ngài chuyển thông tin cho tôn 314 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

giả Mahā Moggallāna, ngay tức khắc, tôn giả có mặt tại vương cung. Và sau đó, tôn giả đã giải thích tiếp cho đức vua nghe. "- Một vị Chuyển luân Thánh vương dù trân quý thế nào cũng không bằng một xuất gia sa-di, huống hồ là tỳ-khưu, huống hồ là trưởng lão, huống hồ là bậc thánh vô lậu! Tuy nhiên, xuất gia trân bảo cũng có hai loại. Thứ nhất là bậc hữu học trân bảo (sekharatana), gồm chư phàm tăng và thánh hữu học từ Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm. Thứ hai là bậc vô học trân bảo (asekharatana), tức là chư thánh lậu tận A- la-hán. Bậc thánh vô học trân bảo cũng có hai hạng: Thanh Văn A-la-hán trân bảo (Sāvakaratana) và đức Phật trân bảo (Buddharatana); dĩ nhiên là đức Phật trân bảo cao quý hơn. Còn nữa, đức Phật trân bảo cũng có hai thứ bậc: Đức Phật Độc Giác trân bảo (Paccekabuddharatana) và đức Phật Chánh Đẳng Giác trân bảo (Sammāsambuddharatana); và dĩ nhiên đức Phật Chánh Đẳng Giác trân bảo cao quý hơn". Giảng đến ngang đây, tôn giả Mahā Moggallāna cất cao giọng, kết luận: - Tâu đại vương! Như vậy, tất cả trân bảo trên thế gian, Chánh Đẳng Giác là trân bảo tối thượng! - Tri ân tôn giả! Đức vua cúi đầu cảm tạ - Bậc Chánh Đẳng Giác là trân bảo tối thượng, không còn bàn cãi gì nữa; nhưng không biết sẽ nên gởi tặng kinh đô Takkasilā cái gì là biểu tượng của trân bảo ấy, thưa tôn giả? Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười: - Có đấy, tâu đại vương! Có đức Phật nghĩa là có đức Pháp, nghĩa là có đức Tăng. Đức Phật có chín hồng danh là đại biểu cho Phật, đức Pháp có sáu ân đức là đại biểu cho Pháp, đức Tăng có bốn ân đức là đại biểu cho Tăng. Vậy đại vương hãy tìm cách thế nào để biếu tặng đức vua Pukkusāti những trân bảo ấy – thì được xem là trân quý tối thượng ở trên đời này! Minh Đức Triều Tâm Ảnh 315

Sau đó, tôn giả còn phải một hồi giảng giải tỉ mỉ, rõ ràng về chín hồng danh của Phật(1), về sáu đức tính của Pháp(2), về bốn đức tính của Tăng(3). Tôn giả còn tóm tắt cả Ba Bảo ấy, là lộ trình giác ngộ, giải thoát nó nằm nơi Tứ Niệm Xứ, nó nằm nơi Bát Thánh Đạo, nó nằm nơi Ba Mươi Bảy phẩm trợ đạo như thế nào rồi biến mất tại chỗ - vì ngài biết ông vua sáng trí kia sẽ lãnh hội được và có khả năng biết mình phải là gì! Và đúng như vậy, sau một hồi suy nghĩ, đức vua sai nội quan chuẩn bị sai thợ dát một tấm vàng mỏng, bề ngang một gang tay, bề dài chừng bốn cùi tay cùng một cây bút bằng thép cứng. Đâu đó xong xuôi, đức vua tắm rửa, vương bào chỉnh tề, lên lầu cao, đốt trầm cùng một viên học sĩ viết chữ tốt. Rồi theo chỉ dẫn của đức vua, viên học sĩ nắn nót khắc lên bảng vàng chín hồng danh của đức Phật, tức là chín ân đức cao cả (4) ; sáu đặc tính của Pháp, tức là sáu ân đức cao cả (5); bốn đức tính của Tăng, tức là bốn ân đức cao cả(6). Sau đó, đức vua giải thích rõ ràng từng ân đức một, xưng tán, ca ngợi tất cả đấy là những trân bảo trân quý nhất trên đời. Cao quý thay! Phật Bảo đã xuất hiện rồi! (1) 9 hồng danh: A-la-hán-Ứng Cúng-Vô Sanh (Arahaṃ), Chánh Biến Tri (Sammā Sambuddh0), Minh Hạnh túc (Vijjā-carana-sampanno), Thiện Thệ (Sugato), Thế Gian giải (Lokavidū), Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu (Anuttaro Purisadammasārathi), Thiên Nhơn sư (Satthādevamanussānaṃ), Phật (Buddho), Thế Tôn (Bhagavā). (2) 6 đức tính của Pháp: Pháp được khéo thuyết bởi đức Thế Tôn (Svakkhāto bhagavatā dhammo), thiết thực hiện tại (Sandiṭṭhiko), vượt thời gian (Akāliko), đến đây mà thấy (Ehipassiko), có khả năng hướng thượng (Opanāyiko), bậc trí tự mình giác hiểu (Paccattaṃ veditabbo viññūhi). (3) 4 đức tính của Tăng: Thiện hạnh (Suppatipanno),

trực hạnh (Ujupatipanno), ưng lý hạnh (Ñāyapatipanno), pháp hạnh (Sāmīcipatipanno). (4) Arahaṃ guṇa, sammāsambuddha guṇa... (5) Sandiṭṭhika guṇa, Akālika guṇa... (6) Suppatipanna guṇa, Ujupatipanna guṇa...

316 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Cao quý thay! Pháp Bảo đã xuất hiện rồi! Cao quý thay! Tăng Bảo đã xuất hiện rồi! Đức vua cũng tóm tắt lộ trình giác ngộ, giải thoát nằm nơi Tứ Niệm Xứ, nằm nơi Bát Thánh Đạo, nằm nơi Ba Mươi Bảy phẩm trợ đạo như thế nào, như tôn giả Mahā Moggallāna đã giảng dạy. Cuối thư, đức vua Bimbisāra còn khuyên bạn mình là nên xuất gia, ở trong Tăng Bảo, để sống trong những ân đức ấy, giáo pháp ấy, là hạnh phúc tối thượng trên cuộc đời nầy! Đâu đó xong xuôi, đức vua tận tay cuốn tròn tấm vàng, lấy nhiều lớp gấm kambala bó lại. Đức vua còn sai thợ kim hoàn thiết kế bảy chiếc hộp bằng đồng, bạc, vàng, hổ phách, xa cừ, pha lê, ngọc thứ tự lớn nhỏ khác nhau, có thể đặt vào trong nhau; rồi đặt vật tặng trân quý ấy trong hộp ngọc, hộp ngọc đặt trong hộp pha lê, hộp pha lê đặt trong hộp xa cừ, hộp xa cừ bỏ trong hộp hổ phách, hộp hổ phách đặt trong hộp vàng, hộp vàng bỏ trong hộp bạc, hộp bạc bỏ trong hộp đồng. Xong xuôi, vật trân quý được gói bằng nhiều lớp gấm rồi được đặt trong một chiếc hộp bằng gỗ chiên đàn với nhiều hoa văn khắc chạm công phu, tinh xảo. Chiếc hộp chiên đàn này sau khi niêm triện đỏ lại còn được đặt trên một pháp tòa, có lọng trắng che, có hoa thơm, nhiều hương liệu ngát ngào, trên lưng con voi Hạnh Phúc được trang điểm châu báu long lanh, chói ngời. Ngày tiễn đoàn sứ giả lên đường, đức vua và bá quan đi chân đất, chấp tay cung kính trong âm thanh ca nhạc rộn rã, với không gian sực nức hương thơm. Để tăng thêm sự trân trọng và thiêng liêng, đức vua Bimbisāra cùng bá quan còn hô lớn lên ba lần khi ra khỏi thành: “Đức Phật xuất hiện rồi! Đức Pháp xuất hiện rồi! Đức Tăng xuất hiện rồi!” – rùng rùng chấn động cả không gian! Chuyện kể rằng, tin báo phi mã đến tai đức vua Pukkusāti kinh thành Takkasilā về vật tặng trân quý được Minh Đức Triều Tâm Ảnh 317

đức vua Bimbisāra và bá quan tổ chức nghi lễ thiêng liêng như thế làm cho ông rúng động cả châu thân. Thế là đức vua Pukkusāti cũng chuẩn bị một cuộc đón tiếp trân trọng không khác gì, khỏi kể thêm ở đây. Khi một mình đối diện với vật trân quý trên lầu cao, đức vua từ từ, trân trọng gỡ niêm triện đỏ, lần lượt gỡ từng lớp gấm thì bảy chiếc hộp đồng, bạc, vàng, hổ phách, xa cừ, pha lê, ngọc hiện ra. Nhìn chiếc hộp ngọc xinh xắn với nghệ thuật điêu khắc tinh xảo tuyệt vời, đức vua run run mở nắp hộp, bên trong lại hiện ra một lớp gấm nữa. Lần gỡ lớp gấm cuối cùng, một tấm vàng dát mỏng có điêu khắc chữ(1) đập vào mắt đức vua. Trân trọng đặt “điêu bảng” trên bàn hương, đức vua chậm rãi đọc từng chữ, từng câu... Không biết thời gian trải qua bao lâu, đức vua đã đọc xong; và câu còn lại để đức vua thốt lên mà cảm nghe hỷ lạc dâng trào, tẩm ướt sung mãn cả thân lẫn tâm, đó là: Đức Phật xuất hiện rồi! Đức Pháp xuất hiện rồi! Đức Tăng xuất hiện rồi! Và đức vua cũng ngồi yên như thế, một niềm vui thanh cao, nhẹ nhàng, siêu thoát ở đâu thuộc thượng tầng thanh khí choáng ngợp tâm tư ngài. Và rồi đức vua ngồi bất động suốt mấy hôm, không ăn, không uống, sống trong trạng thái hỷ lạc của thiền sắc giới. Như đã quyết định dứt khoát, sau khi xuất định,

đức vua lặng lẽ tự mình cạo đầu, choàng đơn sơ giản dị một tấm vải vàng, chấp tay niệm: “Đệ tử xin thành kính đảnh lễ bậc A- la-hán, Chánh Đẳng Giác” rồi âm thầm rời cung, đầu trần, chân đất, không cho ai hay biết. Sau khi vượt qua một trăm chín mươi hai dặm đường(2) đến Sāvatthi thì nghe tin đức Phật đang ở Rājagaha, đức vua lại nhắm hướng xuôi Nam. (1) Các nhà nghiên cứu gọi là “điêu bảng”. (2) Có thể xem Dictionary of Pāḷi proper names: “He travelled the one hundred and nine-two leagues to Sāvatthi”. Kinh điển thì ghi 192 do-tuần (Dặm và do- tuần khác nhau).

Khốn khổ thay cho đức vua mà cũng tuyệt vời, kiên định thay cho ý chí xuất trần tối thượng của đức vua – vì sau khi vượt thêm bốn mươi lăm dặm đường(1) nữa, gần đến Rājagaha thì đức Thế Tôn lúc ấy đã ở tại Jetavanārāma tịnh xá – do cả hai đi hai lộ trình khác nhau. Có lẽ chỉ có đức Thế Tôn mới biết đến lúc ấy thì nhân duyên mới chín muồi nên ngài xuất hiện đúng lúc khi đức vua gần đến Rājagaha, trời vừa tối, đang muốn tìm chỗ trọ qua đêm. Khi biết đức vua đang tá túc trong nhà của thợ làm đồ gốm thì đức Phật trong tướng mạo, y bát của một tỳ-khưu bình thường bước đến bên cửa. - Này hiền giả! Đức Phật nói - Nếu không làm phiền thì có thể cho tôi tạm tá túc qua đêm được chăng? - Không sao, thưa hiền giả! Đức vua mỉm cười đáp – Tôi cũng chỉ là khách lỡ đường xin ngủ nhờ qua đêm. Chẳng ai làm phiền ai cả. Nơi này yên tĩnh, sạch sẽ, không rộng quá, không hẹp quá, có thể nó đủ chỗ cho cả hai chúng ta. Xin mời hiền giả. Đức Phật cảm ơn, bước vào. Ngọn đèn dầu lạc nơi góc tường đất dập dờn nhưng tạm đủ sáng, đức Phật lựa một chỗ khiêm tốn nhất, cất đặt y bát, lấy rơm có sẵn trải dưới, gấp làm bốn tấm y trải lên rồi ngồi xuống, nhắm mắt nghỉ ngơi; lát sau, một năng lượng an lành, thanh tĩnh tỏa ra xung quanh. Đức vua quan sát vị sa-môn trung niên, thoáng thấy một cái gì đó rất an nhiên, tự tại, thanh bình... tỏa ra nơi hình dong, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ - nhưng do đức vua mệt quá, nên ông chỉ muốn nghỉ ngơi. Đức vua như thiếp đi rất lâu, như đã quá khuya, lúc tỉnh lại, thức dậy, nhìn sang bên kia, thấy vị sa-môn trung niên vẫn ngồi bất động như một bức tượng thần, như ở cõi trời siêu thoát nào!

(1) Cũng theo sách vừa dẫn là 45 dặm, kinh điển thì ghi 45 do tuần.

Biết đức vua đã thức giấc, đang ngồi quan sát mình, đức Phật mở mắt ra, khẽ cất tiếng: - Hiền giả có nghỉ ngơi được không? - Thưa, được! Cảm ơn hiền giả! - Tôi cũng xin cảm ơn lời cảm ơn ấy! Đức Phật cười nhẹ - Thấy hiền giả với tướng mạo, phẩm hạnh của bậc xuất gia, tôi muốn hỏi vài điều, không biết có phiền lòng hiền giả chăng? - Không phiền lòng gì đâu. Tôi đã khỏe rồi. Xin hiền giả cứ hỏi. - Hiền giả xuất gia, vậy ai là thầy của hiền giả? Thảng hoặc, hiền giả vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của vị tôn sư, bậc chân sư nào? - Có đấy, này hiền giả thân mến! Là đức Phật Gotama, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác; tôi vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của đức Phật ấy! - Này hiền giả, thế thì đức Phật Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy hiện đang ở đâu vậy? - Tôi nghe nói, đức Phật ấy hiện đang ở Veḷuvanārāma tịnh xá, thành phố Rājagaha này! - Vậy thì

hiền giả đã gặp đức Phật ấy, đã từng được nghe giáo pháp của đức Phật ấy, nên hiền giả xuất gia? Đức vua chợt mỉm cười: - Không, không phải vậy! Có điều kỳ lạ, là tôi vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của đức Phật ấy nhưng tôi lại chưa được gặp vị ấy, đấng ấy một lần nào! - Và nếu có gặp vị ấy, đức Phật ấy, hiền giả cũng không biết hay sao? - Vâng, không biết! Khi xuất gia, tôi chỉ chấp tay, hướng tâm đến vị ấy, tuyên bố vị ấy là Đạo Sư của tôi mà thôi! Yên lặng một lát rồi đức Phật nói:

320 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Bây giờ, hãy bỏ chuyện ấy sang một bên, hiền giả có thể nào lắng nghe, nhiếp tâm lắng nghe tôi thuyết pháp được chăng? - Vâng, rất sẵn sàng! Tôi sẽ nhiếp tâm lắng nghe đây! Câu chuyện quá khứ: Vào thời đức Phật Kassapa, sau khi ngài Nhập Diệt, Pukkusāti cùng sáu vị tỳ-khưu khác, đồng leo lên một ngọn núi cao phát lời nguyện, nếu không đắc quả lậu tận thì thà chết chứ không ăn, không uống, không xuống núi. Sau bảy ngày, chỉ có hai vị đắc quả, có thần thông, năm vị còn lại bị đói mà chết, sanh lên cõi trời Tusita, hiện tại, họ sanh xuống đây. Ngoài Pukkusāti ra, còn các vị khác là Kumāra-Kassapa, Dārucīriya, Dabba- Mallaputta, Sabhiya(1) trước hay sau họ đều sẽ tao ngộ chánh pháp. Do đức Phật biết về nhân duyên quá khứ như vậy nên ngài thuyết một thời pháp như lặn vào dòng tâm, dòng trí đã bị chìm mất quá lâu trong các cuộc tử sinh của vị tỳ-khưu với lời nguyện bất thối thuở nào. Ngài giảng về sáu giới hay sáu đại (dhātu), đó là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Ngài giảng về sáu xúc mắt tai mũi lưỡi thân và ý. Từ sáu xúc này, liên hệ, tương duyên với khổ, lạc, xả liền có mười tám cảm thọ phát sanh như thế nào(2). Là một vị tỳ-khưu thì phải tinh tấn, miên mật quán sát những cảm thọ ấy để có được trí tuệ thấy rõ như thực. Như thực gì? Như thực vô thường, như thực dukkha, như thực vô ngã... Nghe xong thời pháp, đức vua Pukkusāti đắc quả A-na- hàm, pháp lạc dâng tràn, ông biết đây chính là đức Phật Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chứ không phải là ai khác! Ông vội đứng dậy, trật y vai phải, quỳ năm vóc sát đất, ôm chân bụi của đức Đạo Sư:

(1) Xem sách đã dẫn. Tuy nhiên, có nhiều sử liệu khác nhau, tên các vị này có sai khác chút ít, như thay vì tên Dārucīriya lại là Bāhiya. (2) Dhātuvibhaṇga-Sutta có kể chuyện này và cả thời pháp này.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 321

- Kính đức Thế Tôn! Đệ tử là người ngu muội, tăm tối, không minh mẫn nên đã dám xưng gọi đức Thế Tôn là hiền giả (āvuso), như bạn trang lứa với nhau, hoặc như người cao hạ gọi người thấp hạ. Điều ấy là phạm thượng, xin đức Tôn Sư hỷ xả tha thứ lỗi lầm ấy cho đệ tử. Đức Phật mỉm nụ hoa sen: - Thôi được rồi! Ông không có lỗi lầm chi cả. Lúc ấy trời vừa hửng sáng, đức Phật hiển hiện lại thân tướng trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp; đồng thời, hào quang sáu màu dập dờn, tỏa rạng cả không gian làm cho vầng dương cũng chợt trở nên lu mờ. Đức vua Pukkusāti thành kính quỳ xuống đảnh lễ một lượt nữa: - Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được xuất gia. - Ừ, Như Lai chấp thuận, nhưng ông đã có đủ ba y và một bát chưa, này Pukkusāti! - Vâng, đệ tử thiếu bát(1), bạch đức Tôn Sư. Trong lúc đức vua Pukkusāti vừa rời đi tìm

bát thì một số cận sự nam nữ ở ven kinh thành miệng truyền miệng, tai truyền tai: “Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu gần xóm nhà của người thợ gốm!” “Tại sao biết?” “Hào quang của đức Thế Tôn thì không lầm lẫn được, nó sáng hơn cả vầng dương buổi sáng”. Không những dân chúng biết mà đức vua Bimbisāra lúc ấy đang đứng trên lầu cao thấy ánh sáng kỳ lạ kia, ông cũng đoán ra. Thế là với chiếc xe bốn ngựa cùng với một số khá đông quan quân tùy tùng, đức vua nhắm hướng, trực chỉ xóm nhà sáng rực hào quang kia. Gặp được đức Phật, đức vua Bimbisāra vui mừng khôn xiết, tuy nhiên, ông không hiểu lý do sự xuất hiện đột ngột của ngài ở nơi cái lò gốm tối tăm, chật chội này! Thế rồi,

(1) Kinh sách ghi như thế - nên không giải thích được, là suốt nhiều tháng bộ hành, mặc y, đi chân đất, đức vua kiếm vật thực đâu để ăn qua ngày?

đức Phật bèn chậm rãi, ôn tồn kể lại việc hóa độ một người bạn rất thân của đức vua như thế nào. Đức Phật còn kể thêm, sau khi đức vua Pukkusāti nhận được vật trân quý, đọc xong, ý nghĩ xuất trần tối thượng như một mũi tên vừa bật ra khỏi dây cung, không thể dừng lại, và nó tự động tìm đến đích nhắm. Rồi nào là một trăm chín mươi hai do tuần, rồi nào là bốn mươi lăm do tuần, không biết cái bàn chân trần đế vương kia đã dẫm qua không biết bao nhiêu vất vả, rướm máu, đói khát, nắng mưa để tìm đến đây? Hiện tại, đức vua ấy muốn xuất gia, nhưng còn thiếu bát, giờ ông ta đang đi tìm kiếm ở đâu đấy! - Và này, đại vương! Đức Phật nói tiếp - Từ thời đức Phật Kassapa, đức vua Pukkusāti đã là một vị tỳ-khưu với lời nguyện bất thối; do duyên ấy nên Như Lai đã đặt đúng vị trí lại cho ông ta, đã an trí cho ông ta quả vị Bất Lai. Tuy nhiên, mỗi người đều có một dòng nghiệp. Giả dụ có chuyện gì xảy đến cho Pukkusāti trong hiện kiếp này, phải nhận chịu cái gì đó thì không phải phận việc của Như Lai! Nghe xong, đức vua Bimbisāra ruột như lửa đốt, tức khắc cho quan quân, chia thành nhiều toán đi tìm đức vua Pukkusāti, người bạn rất thân thiết của ngài. Đức vua không ngờ bạn mình đã nghe theo lời khuyên của mình, quăng bỏ đế bào, vương vị như tấm giẻ rách, chỉ với một tấm y, không có bát, không biết ăn uống ra sao, nắng mưa ra sao mà đã vượt mấy trăm do tuần để tìm được đến đây? Toán quan quân tìm kiếm đức vua Pukkusāti và họ đã tìm ra, nhưng ông ta đã chết rất thê thảm. Một con bò cái, tiền kiếp là một nữ dạ-xoa (yakkhinī) oan trái với đức vua, đã húc ngài chết. Tin báo hung dữ truyền đến nơi, đức vua Bimbisāra tưởng như trời nghiêng, đất sụp, ông vô cùng sầu khổ, khóc than, thương tiếc, nước mắt tuôn chảy dầm dề, không làm chủ cảm xúc được. Đức Phật xuất hiện ngay bên cạnh, nói vào tai đức vua rằng:

- Đừng sầu buồn nữa, đại vương! Chuyện này Như Lai dò theo dòng nghiệp, đã biết trước, biết rõ nhất, cả tương lai và hiện tại, nên đã tìm cách giúp cho đức vua kia an trú quả vị Bất Lai rồi! Cái thân xác của đức vua Pukkusāti đang còn nằm đó làm cho đại vương xót thương, nhưng thật sự bây giờ, ông ta đã là một vị đại phạm thiên, tại cõi trời Ngũ Tịnh Cư, nơi để dành cho các vị thánh Bất Lai, hết tuổi thọ rồi sẽ Niết-bàn luôn ở đấy! Nghe lời đức Phật, đức vua Bimbisāra bình tĩnh trở lại, dặn bảo quan quân mang xác Pukkusāti về triều, phán truyền làm lễ quốc tang trọng thể... Khi quay lại thì

ông không còn thấy đức Phật ở đấy nữa, ngài đã trở lại Jetavanārāma tịnh xá.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.